TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2023.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Võ Thị Điệp**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 20/6/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1983;

HKTT: Ấp Bình H, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số S, Nguyễn Văn T, phường H, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Võ Văn H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2023, chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Võ Văn H kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ H1, huyện C, tỉnh

Đồng Tháp vào ngày 07/01/2011. Sau khi kết hôn và chung sống với nhau có được 02 con chung. Trong thời gian sống chung, anh H không lo làm ăn, thường xuyên say sỉn và không quan tâm đến gia đình. Chị L nhiều lần khuyên ngăn anh H để sửa đổi nhưng anh H không thay đổi. Từ năm 2016 đến nay chị L và anh H đã sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay, anh H không liên lạc, cũng không hỏi thăm và chu cấp tiền nuôi con. Nhiều lần, chị L tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Quỳnh N, sinh ngày 02/12/2013 và Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2015, hiện đang sống cùng với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con chung tên Võ Quỳnh N và Võ Minh T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Văn H đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Giấy khai sinh Võ Minh T (bản sao);

- Giấy khai sinh Võ Quỳnh N (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 13/4/2023 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc L về việc yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn H, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con".*

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã Mỹ H1, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Võ Văn H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Đồng Thời, chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn H và chị Nguyễn Thị Ngọc L.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị L và H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ H1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 07/01/2011 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị L yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc và hiện nay vợ chồng cũng đã sống ly thân. Về phía anh H là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ nhận định anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị L trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Võ Quỳnh N, sinh ngày 02/12/2013 và Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2015, hiện đang sống cùng với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con chung Võ Quỳnh N và Võ Minh T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay con chung đang sống với chị L phát triển và được chăm sóc tốt điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của hai cháu, nên việc chị L yêu cầu được nuôi cháu N và cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên chấp nhận.

Anh Võ Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị L phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0000304 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Võ Văn H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Quỳnh N, sinh ngày 02/12/2013 và Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2015. Anh Võ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị L không có yêu cầu. Anh Võ Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0000304 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh